

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận kết quả tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 Năm học 2026-2027**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG-TIỂU HỌC PÉTRUS KÝ**

*Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Trường Trung-Tiểu học Pétrus Ký;*

*Căn cứ Thông báo số 04/TB-PEK ngày 06/01/2026 của Hiệu trưởng trường Trung-Tiểu học Pétrus Ký về việc thông báo tuyển sinh năm học 2026-2027;*

*Căn cứ vào kết quả tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 năm học 2026-2027,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

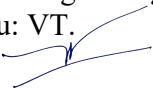
**Điều 1.** Công nhận 326 học sinh đã trúng tuyển vào lớp 6 và 316 học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 thuộc trường Trung-Tiểu học Pétrus Ký năm học 2026-2027, (theo danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Sau khi có kết quả trúng tuyển, phụ huynh học sinh thực hiện bổ sung các hồ sơ gốc, nhập học theo quy định.

**Điều 3.** Ban tuyển sinh, Học vụ các cơ sở, học sinh có tên tại Điều 1, các bộ phận, cá nhân có liên quan thuộc trường Trung-Tiểu học Pétrus Ký chịu trách nhiệm thi thành quyết định này. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT (thay b/c);
- Hội đồng trường (thay b/c);
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Ngọc Nam**



**DANH SÁCH**

**Học sinh trúng tuyển và lớp 6, lớp 10 Năm học 2026-2027**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-PEK ngày 05/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Trung-Tiểu học Pétrus Ký)*

| TT | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 1  | Bùi Hoàng Nhật An    | 075315009226       | 12/02/2015 | Nữ        | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075315009226 | 6.1 |
| 2  | Nguyễn Hoàng Đức An  | 074215008735       | 02/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008735 | 6.1 |
| 3  | Quách Mỹ Anh         | 046315002391       | 02/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS046315002391 | 6.1 |
| 4  | Trần Duy Anh         | 074215004903       | 29/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004903 | 6.1 |
| 5  | Trần Minh Anh        | 074215009952       | 09/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009952 | 6.1 |
| 6  | Trần Ngọc Bảo Anh    | 074315004201       | 01/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004201 | 6.1 |
| 7  | Cheng Wen Bin        | 000093079300       | 13/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS000093079300 | 6.1 |
| 8  | Ho Thiên Bội         | 079315029805       | 10/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315029805 | 6.1 |
| 9  | Trần Trí Dũng        | 074215001685       | 03/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001685 | 6.1 |
| 10 | Nguyễn Đại Dương     | 074215006627       | 18/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006627 | 6.1 |
| 11 | Trần Bình Dương      | 074215005983       | 26/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005983 | 6.1 |
| 12 | Nguyễn Ngọc Minh Hà  | 074315002397       | 01/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002397 | 6.1 |
| 13 | Hồ Vũ Hàn            | 279215000036       | 10/07/2015 | Nam       | Nước Ngoài            | 2026-2027 | HS279215000036 | 6.1 |
| 14 | Trịnh Thu Hoài       | 074315002072       | 09/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002072 | 6.1 |
| 15 | Huỳnh Nguyễn Gia Huy | 074215000612       | 05/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000612 | 6.1 |

| TT | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 16 | Hồ Đức Khải           | 040215022788       | 10/04/2015 | Nam       | Tỉnh Nghệ An          | 2026-2027 | HS040215022788 | 6.1 |
| 17 | Nguyễn Hữu Minh Khang | 075215017998       | 02/11/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215017998 | 6.1 |
| 18 | Nguyễn Đình Minh Khôi | 074215011342       | 07/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215011342 | 6.1 |
| 19 | Vương Kim             | 074315000276       | 19/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000276 | 6.1 |
| 20 | Phạm Hoàng Gia Linh   | 074315000996       | 15/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000996 | 6.1 |
| 21 | Nguyễn Thành Long     | 074215009694       | 23/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009694 | 6.1 |
| 22 | Nguyễn Trần Bảo Minh  | 074215006653       | 21/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006653 | 6.1 |
| 23 | Phan Hạnh Nguyên      | 074315008356       | 01/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008356 | 6.1 |
| 24 | Nguyễn Bảo Nhi        | 038315015870       | 19/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038315015870 | 6.1 |
| 25 | Nguyễn Cẩm Nhung      | 074315000317       | 10/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000317 | 6.1 |
| 26 | Ngô Mạnh Quân         | 040215017298       | 14/06/2015 | Nam       | Tỉnh Nghệ An          | 2026-2027 | HS040215017298 | 6.1 |
| 27 | Thái Hoàng Quân       | 072215001712       | 19/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS072215001712 | 6.1 |
| 28 | Huỳnh Nhạc Thiên Sơn  | 074215007045       | 19/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007045 | 6.1 |
| 29 | Trần Phước Trí        | 074215001950       | 04/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001950 | 6.1 |
| 30 | Lý Trí Vũ             | 075215007961       | 06/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075215007961 | 6.1 |
| 31 | Nguyễn Quỳnh Anh      | 074315010984       | 17/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010984 | 6.2 |
| 32 | Phan Anh              | 042215002947       | 08/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS042215002947 | 6.2 |

| TT | Họ, tên học sinh        | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|-------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 33 | Ngô Trọng Dân           | 074215002961       | 04/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002961 | 6.2 |
| 34 | Giang Tường Di          | 074314005183       | 29/04/2014 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074314005183 | 6.2 |
| 35 | Hu Tuấn Gia             | 074215002325       | 06/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002325 | 6.2 |
| 36 | Võ Nguyễn Thanh Hoàng   | 074215010822       | 29/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215010822 | 6.2 |
| 37 | Ngô Thiên Khải          | 070215008658       | 28/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215008658 | 6.2 |
| 38 | Nguyễn Trọng Khang      | 075215021702       | 08/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075215021702 | 6.2 |
| 39 | Lê Vũ Đăng Khoa         | 074215000717       | 29/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000717 | 6.2 |
| 40 | Nguyễn Quốc Đăng Khoa   | 079215008010       | 14/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215008010 | 6.2 |
| 41 | Trần Nguyên Lam         | 051215000278       | 04/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS051215000278 | 6.2 |
| 42 | Đỗ Đình Mỹ Lộc          | 068315000088       | 01/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS068315000088 | 6.2 |
| 43 | Lê Huy Hoàng Nam        | 067215006960       | 04/04/2015 | Nam       | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS067215006960 | 6.2 |
| 44 | Nguyễn Ngọc Phương Nghi | 074315000701       | 14/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000701 | 6.2 |
| 45 | Bùi Cát Nguyên          | 067215006299       | 12/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS067215006299 | 6.2 |
| 46 | Nguyễn Ngọc Bình Nguyên | 054215008372       | 31/08/2015 | Nam       | Tỉnh Đắk Lắk          | 2026-2027 | HS054215008372 | 6.2 |
| 47 | Ngô Phương Nhi          | 074315006232       | 22/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006232 | 6.2 |
| 48 | Ngô Hải Phong           | 079215009352       | 11/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215009352 | 6.2 |
| 49 | Nguyễn Tô Thiên Phước   | 075215026451       | 13/04/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215026451 | 6.2 |

| TT | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 50 | Bùi Minh Quân          | 074215000618       | 19/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000618 | 6.2 |
| 51 | Nguyễn Minh Quân       | 074215008947       | 01/04/2016 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008947 | 6.2 |
| 52 | Mai Lê Như Quỳnh       | 079315042434       | 07/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315042434 | 6.2 |
| 53 | Phạm Dương Phương Thảo | 074315004734       | 23/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004734 | 6.2 |
| 54 | Nguyễn Lê Đức Thiện    | 001215052245       | 11/08/2015 | Nam       | Thành phố Hà Nội      | 2026-2027 | HS001215052245 | 6.2 |
| 55 | Phạm Tiến Thịnh        | 074215002783       | 31/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002783 | 6.2 |
| 56 | Phạm Hùng Thuận        | 074215012126       | 15/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215012126 | 6.2 |
| 57 | Nguyễn Đình Trí        | 070215006676       | 01/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215006676 | 6.2 |
| 58 | Huỳnh Ngọc Nhã Uyên    | 051315011220       | 08/05/2015 | Nữ        | Thành phố Đà Nẵng     | 2026-2027 | HS051315011220 | 6.2 |
| 59 | Phạm Thanh Vân         | 074315010855       | 24/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010855 | 6.2 |
| 60 | Nguyễn Vũ Khánh Vy     | 074315000690       | 16/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000690 | 6.2 |
| 61 | Phạm Đỗ Khánh An       | 051315005461       | 23/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS051315005461 | 6.3 |
| 62 | Nguyễn Gia Bảo         | 074215001326       | 21/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001326 | 6.3 |
| 63 | Lê Ngọc Đan Châu       | 079315013910       | 22/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315013910 | 6.3 |
| 64 | Nguyễn Khương Duy      | 096215005666       | 01/03/2015 | Nam       | Tỉnh Cà Mau           | 2026-2027 | HS096215005666 | 6.3 |
| 65 | Lê Huy Giáp            | 074215000575       | 14/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000575 | 6.3 |
| 66 | Nguyễn Lê Bảo Hân      | 074315000714       | 21/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000714 | 6.3 |

| TT | Họ, tên học sinh        | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|-------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 67 | Phạm Trọng Hoàng        | 074215007059       | 09/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007059 | 6.3 |
| 68 | Nguyễn Thanh Huy        | 074215011041       | 25/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215011041 | 6.3 |
| 69 | Huỳnh Bảo Khang         | 087215015978       | 06/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS087215015978 | 6.3 |
| 70 | Trần Tuấn Khang         | 074215008469       | 31/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008469 | 6.3 |
| 71 | Nguyễn Phạm Đăng Khoa   | 074215000705       | 30/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000705 | 6.3 |
| 72 | Lê Thị Diệu Linh        | 062315004750       | 23/05/2015 | Nữ        | Tỉnh Quảng Ngãi       | 2026-2027 | HS062315004750 | 6.3 |
| 73 | Nguyễn Quốc Linh        | 074215003565       | 26/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003565 | 6.3 |
| 74 | Đặng Nguyễn Gia Mẫn     | 074315003861       | 10/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315003861 | 6.3 |
| 75 | Trương Hoàng Nam        | 074215005560       | 27/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005560 | 6.3 |
| 76 | Hà Trúc Nghi            | 070315001495       | 10/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070315001495 | 6.3 |
| 77 | Nguyễn Bảo Nghi         | 079315024209       | 22/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315024209 | 6.3 |
| 78 | Nguyễn Hồ Minh Ngọc     | 052315009610       | 12/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS052315009610 | 6.3 |
| 79 | Trần Phạm Bảo Ngọc      | 051315006141       | 19/05/2015 | Nữ        | Tỉnh Quảng Ngãi       | 2026-2027 | HS051315006141 | 6.3 |
| 80 | Bùi Thụy Phong          | 074215008743       | 22/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008743 | 6.3 |
| 81 | Phan Phúc Đăng Quang    | 074215004790       | 07/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004790 | 6.3 |
| 82 | Lê Tiến Thành           | 074215011081       | 09/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215011081 | 6.3 |
| 83 | Trần Nguyễn Nguyên Thảo | 074315005452       | 13/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005452 | 6.3 |

| TT | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 84 | Trương Phúc Thắng    | 074215011052       | 12/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215011052 | 6.3 |
| 85 | Đoàn Hữu Thịnh       | 070215003947       | 21/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215003947 | 6.3 |
| 86 | Huỳnh Minh Triết     | 074215002435       | 06/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002435 | 6.3 |
| 87 | Lê Anh Diễm Trúc     | 070315001091       | 03/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070315001091 | 6.3 |
| 88 | Nguyễn Giai Vĩ       | 092215001807       | 23/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS092215001807 | 6.3 |
| 89 | Võ Nguyễn Chí Vinh   | 074215010211       | 29/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215010211 | 6.3 |
| 90 | Nguyễn Ngọc Tường Vy | 074315004559       | 25/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004559 | 6.3 |
| 91 | Lý Thiên An          | 074315008622       | 02/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008622 | 6.4 |
| 92 | Phan Thanh Phúc An   | 074315001585       | 22/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001585 | 6.4 |
| 93 | Nguyễn Hiệp Bảo Anh  | 074215009868       | 25/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009868 | 6.4 |
| 94 | Đặng Văn Phước Bảo   | 074215002649       | 27/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002649 | 6.4 |
| 95 | Trương Minh Hải      | 040215014094       | 10/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS040215014094 | 6.4 |
| 96 | Kiều Ngọc Hạnh       | 066315001841       | 04/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS066315001841 | 6.4 |
| 97 | Lê Gia Hân           | 074315001466       | 18/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001466 | 6.4 |
| 98 | Nguyễn Hoàng Gia Hân | 074315000197       | 19/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000197 | 6.4 |
| 99 | Phạm Bảo Hân         | 075314016495       | 19/05/2014 | Nữ        | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075314016495 | 6.4 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 100 | Trần Bích Huệ        |                    | 20/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS             | 6.4 |
| 101 | Nguyễn Gia Huy       | 074215011327       | 23/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215011327 | 6.4 |
| 102 | Nguyễn Gia Hưng      | 074215004119       | 22/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004119 | 6.4 |
| 103 | Nguyễn Isla          | 074315009755       | 01/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009755 | 6.4 |
| 104 | Nguyễn Võ Anh Khôi   | 074215002633       | 26/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002633 | 6.4 |
| 105 | Nguyễn Quang Kiệt    | 001215053334       | 16/02/2015 | Nam       | Thành phố Hà Nội      | 2026-2027 | HS001215053334 | 6.4 |
| 106 | Lý Ngân Kim          | 074315009244       | 20/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009244 | 6.4 |
| 107 | Nguyễn Bảo Lâm       | 074215003894       | 01/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003894 | 6.4 |
| 108 | Nguyễn Minh Lân      | 001215007233       | 08/03/2015 | Nam       | Thành phố Hà Nội      | 2026-2027 | HS001215007233 | 6.4 |
| 109 | Tạ Bảo Nghi          | 074315006623       | 28/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006623 | 6.4 |
| 110 | Dương Danh Nhân      | 074215001377       | 31/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001377 | 6.4 |
| 111 | Trần Gia Phát        | 089215004800       | 30/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS089215004800 | 6.4 |
| 112 | Trần Hải Phong       | 074215009862       | 22/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009862 | 6.4 |
| 113 | Nguyễn Hồng Phúc     | 074215005283       | 21/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005283 | 6.4 |
| 114 | Nguyễn Hồ Yên Phương | 074315008740       | 16/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008740 | 6.4 |
| 115 | Nguyễn Tấn Thiện     | 074215003742       | 06/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003742 | 6.4 |
| 116 | Võ Ngọc Minh Thy     | 074315006598       | 21/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006598 | 6.4 |

| TT  | Họ, tên học sinh    | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|---------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 117 | Lê Hà Bảo Trân      | 077315003754       | 21/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS077315003754 | 6.4 |
| 118 | Tăng Khánh Tường    | 074215005730       | 28/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005730 | 6.4 |
| 119 | Nguyễn Trần Thảo Vy | 075315011460       | 13/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075315011460 | 6.4 |
| 120 | Trần Hiếu Vy        | 075315026591       | 10/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075315026591 | 6.4 |
| 121 | Đỗ Trường An        | 031215017761       | 27/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS031215017761 | 6.5 |
| 122 | Trần Ngọc Thiên An  | 074315009500       | 18/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009500 | 6.5 |
| 123 | Vũ Đức Anh          | 070215000336       | 29/11/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS070215000336 | 6.5 |
| 124 | Tsao Quân Dục       | 070215007062       | 10/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215007062 | 6.5 |
| 125 | Nguyễn Minh Đức     | 079215048948       | 04/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215048948 | 6.5 |
| 126 | Phạm Thị Bình Giang | 092315007035       | 10/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS092315007035 | 6.5 |
| 127 | Nguyễn Ngọc Hân     | 074315010757       | 17/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010757 | 6.5 |
| 128 | Nguyễn Xuân Hiếu    | 077215008543       | 25/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS077215008543 | 6.5 |
| 129 | Trần Thị Vân Khanh  | 030315002516       | 28/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng   | 2026-2027 | HS030315002516 | 6.5 |
| 130 | Hoàng Bảo Khánh     | 074215010043       | 02/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215010043 | 6.5 |
| 131 | Phạm Nhã Hoàng Kim  | 074315007556       | 26/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315007556 | 6.5 |
| 132 | Đinh Thị Tuyết Linh | 074315008909       | 16/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008909 | 6.5 |
| 133 | Phạm Khánh Minh     | 074215012157       | 07/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215012157 | 6.5 |

| TT  | Họ, tên học sinh        | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|-------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 134 | Phan Cao Minh           | 074215006495       | 07/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006495 | 6.5 |
| 135 | Nguyễn Hoàng Nhất Nam   | 066215020162       | 15/06/2015 | Nam       | Tỉnh Đắk Lắk          | 2026-2027 | HS066215020162 | 6.5 |
| 136 | Nguyễn Ngọc Phương Nghi | 082315002543       | 29/01/2015 | Nữ        | Tỉnh Đồng Tháp        | 2026-2027 | HS082315002543 | 6.5 |
| 137 | Nguyễn Võ Thanh Ngọc    | 074315009983       | 21/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009983 | 6.5 |
| 138 | Trương Lê Thanh Ngọc    | 074115005677       | 22/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074115005677 | 6.5 |
| 139 | Nguyễn An Bình Nguyên   | 074215004272       | 17/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004272 | 6.5 |
| 140 | Nguyễn Phúc Nguyên      | 075215023625       | 02/01/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215023625 | 6.5 |
| 141 | Đặng Lê Thanh Nhã       | 074315007019       | 12/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315007019 | 6.5 |
| 142 | Nguyễn Vũ Duy Phát      | 074215009332       | 15/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009332 | 6.5 |
| 143 | Vương Minh Phúc         | 079215013206       | 25/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215013206 | 6.5 |
| 144 | Trần Nguyễn Phúc Quang  | 074215001965       | 10/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001965 | 6.5 |
| 145 | Đặng Minh Quân          | 074215008475       | 13/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008475 | 6.5 |
| 146 | Nguyễn Nhật Tâm         | 074215003663       | 20/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003663 | 6.5 |
| 147 | Trần Nguyễn Hạo Thiên   | 068215006266       | 01/01/2015 | Nam       | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS068215006266 | 6.5 |
| 148 | Cao Hồ Quốc Thiện       | 074215005757       | 21/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005757 | 6.5 |
| 149 | Nguyễn Ngọc Anh Thy     | 074315000648       | 14/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000648 | 6.5 |
| 150 | Tổng Cát Tiên           | 064315011769       | 18/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS064315011769 | 6.5 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 151 | Nguyễn Trần Thiên An | 074315010877       | 14/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010877 | 6.6 |
| 152 | Bạch Hoàng Anh       | 038215026441       | 29/06/2015 | Nam       | Tỉnh Thanh Hóa        | 2026-2027 | HS038215026441 | 6.6 |
| 153 | Nguyễn Duy Anh       | 074215000966       | 21/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000966 | 6.6 |
| 154 | Vũ Nhật Bằng         | 074215006629       | 10/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006629 | 6.6 |
| 155 | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 074315000883       | 05/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000883 | 6.6 |
| 156 | Đinh Ngọc Diệp       | 074315002503       | 29/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002503 | 6.6 |
| 157 | Nguyễn Dương Chí Đạt | 075215003491       | 24/04/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215003491 | 6.6 |
| 158 | Nguyễn Tiến Đạt      | 046215008602       | 27/04/2015 | Nam       | Thành phố Huế         | 2026-2027 | HS046215008602 | 6.6 |
| 159 | Hoàng Phi Hùng       | 037215003786       | 24/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS037215003786 | 6.6 |
| 160 | Vũ Đức Gia Hưng      | 074215003022       | 14/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003022 | 6.6 |
| 161 | Võ Gia Hy            | 074215006419       | 30/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006419 | 6.6 |
| 162 | Bùi Huy Minh         | 089215017747       | 29/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS089215017747 | 6.6 |
| 163 | Hồ Quang Minh        | 074215008452       | 15/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008452 | 6.6 |
| 164 | Đỗ Nguyễn Minh Nghi  | 074315002769       | 13/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002769 | 6.6 |
| 165 | Nguyễn Hồng Ngọc     | 079315043936       | 03/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315043936 | 6.6 |
| 166 | Nguyễn Đại Phong     | 074215007809       | 24/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007809 | 6.6 |
| 167 | Nguyễn Thiên Phúc    | 074215003412       | 04/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003412 | 6.6 |

| TT  | Họ, tên học sinh    | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|---------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 168 | Trần Nhã Phương     | 052315006100       | 06/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS052315006100 | 6.6 |
| 169 | Nguyễn Lê Sơn       | 074215007762       | 23/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007762 | 6.6 |
| 170 | Nguyễn Minh Thành   | 074215007830       | 03/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007830 | 6.6 |
| 171 | Lê Nguyên Thảo      | 074315006550       | 12/05/2015 | Nữ        | Tỉnh Gia Lai          | 2026-2027 | HS074315006550 | 6.6 |
| 172 | Bùi Huy Thông       | 089215013572       | 29/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS089215013572 | 6.6 |
| 173 | Nguyễn Minh Thư     | 034315003415       | 18/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS034315003415 | 6.6 |
| 174 | Nguyễn Thùy Tiên    | 070315010558       | 21/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070315010558 | 6.6 |
| 175 | Võ Lê Đức Trọng     | 093215002447       | 15/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS093215002447 | 6.6 |
| 176 | Tăng Tú Vân         | 079315041445       | 07/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315041445 | 6.6 |
| 177 | Bồ Ngọc Tường Vy    | 074315005357       | 31/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005357 | 6.6 |
| 178 | Lê Đăng Bảo Vy      | 038315037600       | 29/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038315037600 | 6.6 |
| 179 | Pei Xuân Xuân       | 074315008605       | 21/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008605 | 6.6 |
| 180 | Liu Zhencheng       | 000006355801       | 12/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS000006355801 | 6.6 |
| 181 | Phạm Bảo An         | 031315014998       | 20/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hải Phòng   | 2026-2027 | HS031315014998 | 6.7 |
| 182 | Lê Quang Anh        | 074215004709       | 09/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004709 | 6.7 |
| 183 | Nguyễn Bảo Anh      | 074315003786       | 10/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315003786 | 6.7 |
| 184 | Nguyễn Ngọc Bảo Anh | 074315005196       | 29/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005196 | 6.7 |

| TT  | Họ, tên học sinh        | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|-------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 185 | Nguyễn Quốc Nam Anh     | 079215041315       | 26/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215041315 | 6.7 |
| 186 | Vũ Thị Ngọc Anh         | 034315000922       | 29/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS034315000922 | 6.7 |
| 187 | Chu Hoàng Gia Bảo       | 074215002528       | 28/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002528 | 6.7 |
| 188 | Kiều Hồng Hạnh          | 066315001842       | 04/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS066315001842 | 6.7 |
| 189 | Lê Võ Anh Hào           | 074215001370       | 17/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001370 | 6.7 |
| 190 | Lê Minh Hằng            | 074315006282       | 03/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006282 | 6.7 |
| 191 | Trần Vũ Gia Hân         | 068315009820       | 15/08/2015 | Nữ        | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS068315009820 | 6.7 |
| 192 | Peng Ze Hui             |                    | 16/12/2014 | Nữ        | Nước Ngoài            | 2026-2027 | HS             | 6.7 |
| 193 | Châu Kiến Hưng          | 075215018651       | 19/09/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215018651 | 6.7 |
| 194 | Nguyễn Minh Khang       | 079215024925       | 15/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215024925 | 6.7 |
| 195 | Huỳnh Mạnh Khôi         | 079215012696       | 11/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215012696 | 6.7 |
| 196 | Nguyễn Đình Nguyên Khôi | 070215010370       | 14/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215010370 | 6.7 |
| 197 | Ngô Sĩ Anh Minh         | 064215014126       | 07/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS064215014126 | 6.7 |
| 198 | Lê Ngọc Bảo Ngân        | 079315049168       | 13/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315049168 | 6.7 |
| 199 | Trương Nguyễn Lam Ngọc  | 040315038132       | 19/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS040315038132 | 6.7 |
| 200 | Trần Nhật Ái Như        | 074315007440       | 14/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315007440 | 6.7 |
| 201 | Phạm Hồng Thiên Phát    | 075215003337       | 22/01/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215003337 | 6.7 |
| 202 | Nguyễn Duy Hoàng Phúc   | 067215005193       | 16/09/2015 | Nam       | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS067215005193 | 6.7 |

| TT  | Họ, tên học sinh   | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|--------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 203 | Phạm Tấn Quân      | 074215009920       | 18/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009920 | 6.7 |
| 204 | Trần Minh Sang     | 049215003659       | 03/07/2015 | Nam       | Thành phố Đà Nẵng     | 2026-2027 | HS049215003659 | 6.7 |
| 205 | Đặng Ngọc Anh Thư  | 074315011017       | 02/07/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315011017 | 6.7 |
| 206 | Vũ Thảo Tiên       | 074315009013       | 07/06/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009013 | 6.7 |
| 207 | Nguyễn Quang Triều | 075215023723       | 19/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075215023723 | 6.7 |
| 208 | Vũ Xuân Trường     | 074215004961       | 28/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004961 | 6.7 |
| 209 | Lê Trần Nhã Uyên   | 079315039390       | 18/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315039390 | 6.7 |
| 210 | Trần Quốc Việt     | 074215003970       | 08/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003970 | 6.7 |
| 211 | Ngô Bảo Anh        | 086315004820       | 29/05/2015 | Nữ        | Tỉnh Vĩnh Long        | 2026-2027 | HS086315004820 | 6.8 |
| 212 | Lường Gia Bảo      | 038215039942       | 21/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038215039942 | 6.8 |
| 213 | Nguyễn Thế Gia Bảo | 074215007348       | 07/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007348 | 6.8 |
| 214 | Nguyễn Ngọc Châu   | 074315010585       | 09/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010585 | 6.8 |
| 215 | Võ Ngọc Phúc Châu  | 074315002187       | 20/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002187 | 6.8 |
| 216 | Nguyễn Thành Danh  | 074215003370       | 19/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003370 | 6.8 |
| 217 | Ngô Cao Bảo Hân    | 074315009783       | 09/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009783 | 6.8 |
| 218 | Wang Yi Jou        | 007483211290       | 09/01/2013 | Nữ        | Nước Ngoài            | 2026-2027 | HS007483211290 | 6.8 |
| 219 | Trần Tuấn Khải     | 074215008853       | 10/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008853 | 6.8 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 220 | Nguyễn Trọng Khang   | 074215007000       | 06/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007000 | 6.8 |
| 221 | Phạm Gia Khiêm       | 074215001839       | 18/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001839 | 6.8 |
| 222 | Trần Khôi            | 074215005998       | 12/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005998 | 6.8 |
| 223 | Lê Văn Kiên          | 079215041750       | 14/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215041750 | 6.8 |
| 224 | Trần Hoàng Minh Kiệt | 070215002028       | 31/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070215002028 | 6.8 |
| 225 | Dương Trần Minh      | 074215006974       | 27/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006974 | 6.8 |
| 226 | Trần Quang Minh      | 040215031505       | 16/11/2015 | Nam       | Tỉnh Nghệ An          | 2026-2027 | HS040215031505 | 6.8 |
| 227 | Nhâm Ngọc Quỳnh My   | 068315011282       | 06/12/2015 | Nữ        | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS068315011282 | 6.8 |
| 228 | Trần Hoàng Nam       | 074215001250       | 26/11/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001250 | 6.8 |
| 229 | Ninh Khả Ngân        | 074315006802       | 25/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006802 | 6.8 |
| 230 | Đặng Trọng Nghĩa     | 074215008152       | 21/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008152 | 6.8 |
| 231 | Nguyễn Hà Nhi        | 074315008880       | 10/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008880 | 6.8 |
| 232 | Đỗ Quỳnh Như         | 074315010532       | 12/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010532 | 6.8 |
| 233 | Nguyễn Bảo Như       | 074315000915       | 10/01/2015 | Nữ        | Tỉnh Gia Lai          | 2026-2027 | HS074315000915 | 6.8 |
| 234 | Nguyễn Hoàng Phát    | 060215001099       | 29/05/2015 | Nam       | Tỉnh Lâm Đồng         | 2026-2027 | HS060215001099 | 6.8 |
| 235 | Nguyễn Huy Phát      | 074215005098       | 24/09/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005098 | 6.8 |
| 236 | Vương Kỳ Sơn         | 074215009204       | 28/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215009204 | 6.8 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 237 | Phạm Tiến Thịnh       | 079215014228       | 31/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215014228 | 6.8 |
| 238 | Hồ Ngọc Nhã Thy       | 074315006605       | 10/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006605 | 6.8 |
| 239 | Nguyễn Hoàng Đức Trí  | 074215003759       | 20/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003759 | 6.8 |
| 240 | Nguyễn Hoàng Yên      | 074315010464       | 07/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010464 | 6.8 |
| 241 | Nguyễn Phúc Bảo An    | 046215007320       | 01/01/2015 | Nam       | Thành phố Huế         | 2026-2027 | HS046215007320 | 6.9 |
| 242 | Nguyễn Hoàng Bảo      | 040215041878       | 02/09/2015 | Nam       | Tỉnh Nghệ An          | 2026-2027 | HS040215041878 | 6.9 |
| 243 | Phạm Quỳnh Châu       | 074315001569       | 23/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001569 | 6.9 |
| 244 | Hoàng Nguyễn Kim Dung | 074315002913       | 03/10/2016 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002913 | 6.9 |
| 245 | Lê Quang Thành Đạt    | 001215037665       | 23/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS001215037665 | 6.9 |
| 246 | Huỳnh Ngọc Bửu Hân    | 074315005037       | 27/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005037 | 6.9 |
| 247 | Nguyễn Hoàng          | 079215031347       | 09/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215031347 | 6.9 |
| 248 | Nguyễn Đoàn Nhật Huy  | 064215009476       | 22/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS064215009476 | 6.9 |
| 249 | Nguyễn Thanh Huy      | 075215005509       | 22/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075215005509 | 6.9 |
| 250 | Nguyễn Thành Gia Huy  | 052215008336       | 12/10/2015 | Nam       | Tỉnh Gia Lai          | 2026-2027 | HS052215008336 | 6.9 |
| 251 | Phạm Sỹ Duy Hưng      | 074215005647       | 18/07/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215005647 | 6.9 |
| 252 | Huỳnh Lưu Gia Khang   | 074215002470       | 07/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002470 | 6.9 |
| 253 | Nguyễn Minh Khôi      | 079215003561       | 03/12/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215003561 | 6.9 |

| TT  | Họ, tên học sinh          | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp |
|-----|---------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-----|
| 254 | Đoàn Ngọc Khuê            | 052315001375       | 03/02/2015 | Nữ        | Tỉnh Gia Lai          | 2026-2027 | HS052315001375 | 6.9 |
| 255 | Trần Tuấn Kiệt            | 074215002684       | 13/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002684 | 6.9 |
| 256 | Nguyễn Phương Liên        | 070315003493       | 17/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070315003493 | 6.9 |
| 257 | Huỳnh Trần Tuệ Mẫn        | 074315001952       | 24/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001952 | 6.9 |
| 258 | Nguyễn Thanh Bửu Kim Minh | 075215006137       | 14/12/2015 | Nam       | Tỉnh Gia Lai          | 2026-2027 | HS075215006137 | 6.9 |
| 259 | Nguyễn Bảo Nam            | 074215007691       | 11/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215007691 | 6.9 |
| 260 | Nguyễn Ngọc Nhi           | 074315000828       | 23/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000828 | 6.9 |
| 261 | Phạm Hoàng Gia Nhi        | 038315025168       | 19/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038315025168 | 6.9 |
| 262 | Trần Phương Thảo Như      | 074315006614       | 11/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006614 | 6.9 |
| 263 | Nguyễn Hoàng Thiên Phúc   | 058215005684       | 26/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS058215005684 | 6.9 |
| 264 | Lê Khang Ryan             | 007454953304       | 14/05/2015 | Nam       | Nước Ngoài            | 2026-2027 | HS007454953304 | 6.9 |
| 265 | Lee Trần Siwoo            | 079215050337       | 04/03/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215050337 | 6.9 |
| 266 | Nguyễn Minh Tân           | 074215006012       | 11/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006012 | 6.9 |
| 267 | Nguyễn Trọng Thành Trung  | 074215003103       | 01/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003103 | 6.9 |
| 268 | Châu Diệp Vy              | 074315003029       | 02/04/2015 | Nữ        | Tỉnh Tỉnh Lâm Đồng    | 2026-2027 | HS074315003029 | 6.9 |
| 269 | Lin Jia Xuân              | 092315001298       | 22/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS092315001298 | 6.9 |
| 270 | Lê Hoàng Yên              | 079315042098       | 29/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315042098 | 6.9 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 271 | Lê Bá An              | 079215035670       | 04/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079215035670 | 6.10 |
| 272 | Lê Ngọc Khánh An      | 074315008592       | 16/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008592 | 6.10 |
| 273 | Nguyễn Ngọc Thiên An  | 083315001199       | 26/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS083315001199 | 6.10 |
| 274 | Ngô Phương Anh        | 051315001175       | 17/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS051315001175 | 6.10 |
| 275 | Nguyễn Bảo Anh        | 074315001039       | 16/01/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001039 | 6.10 |
| 276 | Nguyễn Thùy Ngân Châu | 074315002752       | 11/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002752 | 6.10 |
| 277 | Nguyễn Ngọc Linh Đan  | 074315004315       | 07/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004315 | 6.10 |
| 278 | Nguyễn Thành Phát Huy | 074215006147       | 25/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006147 | 6.10 |
| 279 | Phạm Đăng Khôi        | 074215001272       | 27/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001272 | 6.10 |
| 280 | Ngô Minh Khuê         | 075315025675       | 13/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075315025675 | 6.10 |
| 281 | Nguyễn Ngọc Thiên Kim | 074315002098       | 10/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002098 | 6.10 |
| 282 | Đào Diệp Tú Linh      | 079315003287       | 14/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315003287 | 6.10 |
| 283 | Ngô Trần Phương Linh  | 074315010906       | 21/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010906 | 6.10 |
| 284 | Lê Duy Gia Long       | 038215007384       | 06/06/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038215007384 | 6.10 |
| 285 | Đàm Uyên Lynh         | 074315008189       | 14/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315008189 | 6.10 |
| 286 | Trần Ngọc Minh        | 001215077164       | 30/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS001215077164 | 6.10 |

| TT  | Họ, tên học sinh        | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|-------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 287 | San Hải My              | 279315000014       | 16/01/2015 | Nữ        | Nước Ngoài            | 2026-2027 | HS279315000014 | 6.10 |
| 288 | Nguyễn Đoàn Nhật Nam    | 075215025789       | 22/12/2015 | Nam       | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS075215025789 | 6.10 |
| 289 | Lê Thị Kim Ngân         | 074315002789       | 10/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002789 | 6.10 |
| 290 | Nguyễn Bảo Nghi         | 074315001463       | 28/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001463 | 6.10 |
| 291 | Thượng Quỳnh Thanh Ngọc | 074315004750       | 02/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004750 | 6.10 |
| 292 | Trương Phạm Bảo Ngọc    | 074315005341       | 11/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005341 | 6.10 |
| 293 | Mai Thiện Nhân          | 074215001461       | 31/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215001461 | 6.10 |
| 294 | Lê Ngọc Đông Nhi        | 074315009267       | 05/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315009267 | 6.10 |
| 295 | Phạm Quỳnh Như          | 079315047996       | 01/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079315047996 | 6.10 |
| 296 | Nguyễn Đỗ Hoàng Oanh    | 074315002758       | 15/11/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002758 | 6.10 |
| 297 | Đỗ Phạm Hoàng Phúc      | 074215002246       | 07/04/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215002246 | 6.10 |
| 298 | Huỳnh Hữu Phúc          | 074215008990       | 28/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215008990 | 6.10 |
| 299 | Đặng Lê Thanh Tâm       | 074315001764       | 22/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001764 | 6.10 |
| 300 | Mai Bình An             | 074215004189       | 06/01/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215004189 | 6.11 |
| 301 | Mai Khánh An            | 074315005877       | 26/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315005877 | 6.11 |
| 302 | Nguyễn Khánh An         | 070315008693       | 06/01/2015 | Nữ        | Thành phố Đồng Nai    | 2026-2027 | HS070315008693 | 6.11 |
| 303 | Trần Nguyễn Phúc An     | 074315007298       | 06/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315007298 | 6.11 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 304 | Trần Tăng Gia An      | 074315004560       | 11/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004560 | 6.11 |
| 305 | Đào Trâm Anh          | 074315001773       | 29/08/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001773 | 6.11 |
| 306 | Nguyễn Đào Bảo Anh    | 074315010183       | 09/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010183 | 6.11 |
| 307 | Nguyễn Minh Anh       | 074215006258       | 05/08/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215006258 | 6.11 |
| 308 | Nguyễn Ngọc Lâm Anh   | 052315010233       | 24/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS052315010233 | 6.11 |
| 309 | Nguyễn Ngọc Nhật Anh  | 074315001356       | 12/09/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315001356 | 6.11 |
| 310 | Phạm Nguyễn Bảo Anh   | 074315004881       | 28/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315004881 | 6.11 |
| 311 | Huỳnh Ngọc Hoàng Châu | 074315003714       | 01/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315003714 | 6.11 |
| 312 | Bùi Thị Hoa           | 042315001735       | 28/09/2015 | Nữ        | Tỉnh Hà Tĩnh          | 2026-2027 | HS042315001735 | 6.11 |
| 313 | Hoàng Thu Huyền       | 037315004237       | 24/12/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS037315004237 | 6.11 |
| 314 | Nguyễn Quốc Khánh     | 074215000413       | 01/05/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215000413 | 6.11 |
| 315 | Nguyễn Ngọc Gia Linh  | 074315006796       | 22/02/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315006796 | 6.11 |
| 316 | Phạm Tuấn Minh        | 074215003560       | 12/02/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074215003560 | 6.11 |
| 317 | Hoàng Minh Nguyên     | 064215016206       | 08/02/2015 | Nam       | Tỉnh Tỉnh Gia Lai     | 2026-2027 | HS064215016206 | 6.11 |
| 318 | Nguyễn Ngọc An Nhi    | 074315003510       | 31/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315003510 | 6.11 |
| 319 | Văn Nguyễn Quỳnh Nhi  | 074315002100       | 15/03/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315002100 | 6.11 |
| 320 | Liu Sau Phán          | 075315015794       | 13/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075315015794 | 6.11 |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 321 | Võ Thị An Phương       | 040315010273       | 23/05/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS040315010273 | 6.11 |
| 322 | Cheng Duật Thần        | 092215001584       | 08/01/2015 | Nam       | Thành phố Cần Thơ     | 2026-2027 | HS092215001584 | 6.11 |
| 323 | Nguyễn Anh Thư         | 075315017507       | 10/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075315017507 | 6.11 |
| 324 | Huỳnh Trần Khánh Thy   | 074315010643       | 18/04/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315010643 | 6.11 |
| 325 | Lê Phước Trí           | 040215007298       | 27/10/2015 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS040215007298 | 6.11 |
| 326 | Nguyễn Ngọc Khả Vy     | 074315000932       | 11/10/2015 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074315000932 | 6.11 |
| 327 | Lê Văn Anh Duy         | 038211020097       | 13/02/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038211020097 | 10.1 |
| 328 | Trần Doãn Anh Phúc     | 074211009733       | 29/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009733 | 10.1 |
| 329 | Bùi Anh Minh           | 074211007125       | 12/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007125 | 10.1 |
| 330 | Đào Văn Khánh          | 074311008959       | 20/05/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008959 | 10.1 |
| 331 | Bùi Tấn Thông          | 074211001758       | 27/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001758 | 10.1 |
| 332 | Tăng Đức Thắng         | 036211000550       | 05/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS036211000550 | 10.1 |
| 333 | Vũ Tâm Như             | 030311006959       | 23/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS030311006959 | 10.1 |
| 334 | Nguyễn Hồng Mai Khanh  | 074311007241       | 23/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311007241 | 10.1 |
| 335 | Nguyễn Thành Danh      | 074211008831       | 13/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008831 | 10.1 |
| 336 | Trần Ngọc Song Thư     | 074311005803       | 06/12/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311005803 | 10.1 |
| 337 | Nguyễn Tấn Vinh        | 070211007957       | 08/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211007957 | 10.1 |
| 338 | Nguyễn Gia Tín         | 074211000414       | 22/01/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000414 | 10.1 |
| 339 | Nguyễn Dương Ngọc Hiếu | 070211010669       | 21/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211010669 | 10.1 |
| 340 | Đỗ Ngọc Hân            | 074311000034       | 17/01/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000034 | 10.1 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 341 | Phạm Bảo Hân         | 074311008000       | 21/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311008000 | 10.1 |
| 342 | Phan Hữu Khang       | 074211006520       | 16/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211006520 | 10.1 |
| 343 | Đặng Thành Công      | 038186030886       | 10/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038186030886 | 10.1 |
| 344 | Đặng Thị Thùy Trang  | 074311005873       | 28/05/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311005873 | 10.1 |
| 345 | Lê Huỳnh Phúc Bảo    | 060211013365       | 02/04/2011 | Nam       | Bình Thuận            | 2026-2027 | HS060211013365 | 10.1 |
| 346 | Võ Thùy Nhiên        | 074311008394       | 02/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008394 | 10.1 |
| 347 | Lê Phước Tài         | 074211007519       | 16/01/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007519 | 10.1 |
| 348 | Tsản Quý Tường       | 075211018593       | 27/11/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075211018593 | 10.1 |
| 349 | Nguyễn Gia Hân       | 074311003815       | 07/03/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311003815 | 10.1 |
| 350 | Nguyễn Gia Huy       | 074211001502       | 02/11/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211001502 | 10.1 |
| 351 | Nguyễn Phong Phú     | 074210001024       | 06/12/2010 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074210001024 | 10.1 |
| 352 | Lê Nguyễn Quang Vinh | 074211003931       | 06/07/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211003931 | 10.2 |
| 353 | Trần An Bình         | 074211009931       | 17/02/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211009931 | 10.2 |
| 354 | Nguyễn Thị Ngọc Hà   | 074311001235       | 10/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001235 | 10.2 |
| 355 | Nguyễn Phạm Anh Huy  | 074211000835       | 24/09/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000835 | 10.2 |
| 356 | Nguyễn Bảo Khanh     | 074211000885       | 01/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000885 | 10.2 |
| 357 | Võ Anh Khôi          | 074211007174       | 09/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007174 | 10.2 |
| 358 | Trần Hoàng Long      | 074211008817       | 19/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008817 | 10.2 |
| 359 | Nguyễn Trọng Nhân    | 074211009168       | 11/06/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009168 | 10.2 |
| 360 | Huỳnh Anh Tiến       | 080211002018       | 04/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS080211002018 | 10.2 |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 361 | Trần Trung Tín         | 074211011002       | 11/07/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211011002 | 10.2 |
| 362 | Lương Minh Tuấn        | 074211005224       | 13/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211005224 | 10.2 |
| 363 | Đinh Thảo Linh Chi     | 079311052375       | 17/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079311052375 | 10.2 |
| 364 | Nguyễn Đăng Khánh Hưng | 077211000917       | 04/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS077211000917 | 10.2 |
| 365 | Nguyễn Lê Trâm Anh     | 070311008640       | 25/08/2011 | Nữ        | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070311008640 | 10.2 |
| 366 | Vũ Hải My              | 079311036751       | 06/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311036751 | 10.2 |
| 367 | Phan Gia Phát          | 074211004901       | 20/06/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004901 | 10.2 |
| 368 | Lê Hoàng Gia Hân       | 079311021172       | 29/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079311021172 | 10.2 |
| 369 | Nguyễn Từ Hiếu Thảo    | 074311003666       | 09/04/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311003666 | 10.2 |
| 370 | Nguyễn Ngọc Thảo Linh  | 074311003213       | 11/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311003213 | 10.2 |
| 371 | Nguyễn Công Danh       | 074211008805       | 31/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008805 | 10.2 |
| 372 | Ngô Minh Triết         | 074211002061       | 04/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002061 | 10.2 |
| 373 | Phan Khánh An          | 074211001022       | 17/06/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001022 | 10.2 |
| 374 | Lê Trung Kiên          | 074211007155       | 25/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211007155 | 10.2 |
| 375 | Lê Vy                  | 074311008280       | 14/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008280 | 10.2 |
| 376 | Phùng Hinh Nghi        | 074311001529       | 07/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001529 | 10.2 |
| 377 | Nguyễn Minh Trí        | 074211000512       | 05/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000512 | 10.2 |
| 378 | Phạm Hoàng Anh         | 074211001571       | 15/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001571 | 10.3 |
| 379 | Hoàng Anh Đức          | 038211022846       | 26/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038211022846 | 10.3 |
| 380 | Đoàn Quốc Bảo          | 074211000490       | 17/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000490 | 10.3 |
| 381 | Dương Trần Song An     | 079311022802       | 29/01/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311022802 | 10.3 |

| TT  | Họ, tên học sinh              | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|-------------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 382 | Welisarage Fernando Sethmi An | 074311000055       | 08/08/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000055 | 10.3 |
| 383 | Nguyễn Tuấn An                | 038211000636       | 28/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038211000636 | 10.3 |
| 384 | Đỗ Gia Bảo                    | 074211004261       | 05/06/2011 | Nam       | Bình Phước            | 2026-2027 | HS074211004261 | 10.3 |
| 385 | Phạm Hải Đăng                 | 079211035890       | 15/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211035890 | 10.3 |
| 386 | Mai Quốc Huy                  | 074211001430       | 06/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001430 | 10.3 |
| 387 | Phùng Gia Huy                 | 074211006137       | 12/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211006137 | 10.3 |
| 388 | Trần Nguyễn Thiên Long        | 074211009752       | 08/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009752 | 10.3 |
| 389 | Phạm Ngọc Phương Linh         | 074311008238       | 08/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008238 | 10.3 |
| 390 | Châu Bảo Long                 | 074211008399       | 17/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211008399 | 10.3 |
| 391 | Phạm Ngọc Quế Lâm             | 074311001000       | 24/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001000 | 10.3 |
| 392 | Nguyễn Trung Kiên             | 074211005718       | 20/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211005718 | 10.3 |
| 393 | Dương Hải My                  | 074311008833       | 08/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008833 | 10.3 |
| 394 | Lý Sánh Long                  | 075211021630       | 14/10/2011 | Nam       | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS075211021630 | 10.3 |
| 395 | Đinh Bảo Nam                  | 082211006205       | 21/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS082211006205 | 10.3 |
| 396 | Trần Nguyễn Khánh Ngọc        | 074311009928       | 26/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009928 | 10.3 |
| 397 | Trần Lê Thiên Phú             | 074211004661       | 08/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004661 | 10.3 |
| 398 | Phạm Cao Minh Triết           | 074211010198       | 01/11/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211010198 | 10.3 |
| 399 | Cao Nguyễn Hoàng Phúc         | 070211007605       | 25/06/2011 | Nam       | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070211007605 | 10.3 |
| 400 | Hồ Thanh Trà                  | 074111004599       | 27/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074111004599 | 10.3 |
| 401 | Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc       | 074311005775       | 02/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311005775 | 10.3 |
| 402 | Võ Phạm Cát Tường             | 074311005463       | 26/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311005463 | 10.3 |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 403 | Nguyễn Ngọc Nhã Vy     | 079311029015       | 26/02/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079311029015 | 10.3 |
| 404 | Nguyễn Hà Bảo Trâm     | 070311007002       | 16/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070311007002 | 10.4 |
| 405 | Phạm Phương Anh        | 070311005627       | 16/08/2011 | Nữ        | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070311005627 | 10.4 |
| 406 | Nguyễn Trần Bảo Châu   | 089311021107       | 15/03/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS089311021107 | 10.4 |
| 407 | Lê Phạm Xuân Đào       | 074311006021       | 15/11/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311006021 | 10.4 |
| 408 | Nguyễn Thành Đạt       | 074211008749       | 16/12/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211008749 | 10.4 |
| 409 | Bùi Minh Khang         | 074211000882       | 01/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000882 | 10.4 |
| 410 | Đặng Minh Khang        | 074211008560       | 20/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008560 | 10.4 |
| 411 | Đỗ Hữu Khang           | 074211005590       | 03/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211005590 | 10.4 |
| 412 | Đỗ Trần Minh Khang     | 074211001188       | 18/06/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001188 | 10.4 |
| 413 | Trần Trung Kiên        | 074211007145       | 22/02/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007145 | 10.4 |
| 414 | Nguyễn Ngọc Diệp       | 074311000270       | 06/12/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000270 | 10.4 |
| 415 | Nguyễn Tuấn kiệt       | 074211008849       | 23/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008849 | 10.4 |
| 416 | Nguyễn Thanh Uyên Linh | 074311010389       | 28/02/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311010389 | 10.4 |
| 417 | Hoàng Thụy Tuyết Mai   | 074311000836       | 26/02/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000836 | 10.4 |
| 418 | Nguyễn Phúc Nguyên     | 075211016217       | 09/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075211016217 | 10.4 |
| 419 | Lê Gia Phát            | 079211010370       | 02/12/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211010370 | 10.4 |
| 420 | Phan Châu Phương Quỳnh | 074311003193       | 03/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311003193 | 10.4 |
| 421 | Nguyễn Phước Thiện     | 074211003964       | 28/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211003964 | 10.4 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 422 | Nguyễn Minh Thư      | 074311001388       | 10/10/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311001388 | 10.4 |
| 423 | Võ Minh Toàn         | 074211002585       | 08/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002585 | 10.4 |
| 424 | Trần Huỳnh Bảo Trân  | 074311007165       | 10/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311007165 | 10.4 |
| 425 | Phi Võ Đức Trung     | 079211052073       | 28/06/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211052073 | 10.4 |
| 426 | Đỗ Cao Kiến Văn      | 074211000277       | 07/02/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000277 | 10.4 |
| 427 | Nguyễn Lưu Thái Hòa  | 074211000423       | 15/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000423 | 10.4 |
| 428 | Lê Minh Đăng         | 074211001592       | 02/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001592 | 10.4 |
| 429 | Nguyễn Lê Trí        | 074211000528       | 28/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000528 | 10.5 |
| 430 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | 070311010503       | 09/04/2011 | Nữ        | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070311010503 | 10.5 |
| 431 | Lâm Nhất Bảo         | 080211010424       | 21/05/2011 | Nam       | Long An               | 2026-2027 | HS080211010424 | 10.5 |
| 432 | Từ Thiên Di          | 066311008598       | 07/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS066311008598 | 10.5 |
| 433 | Phạm Huỳnh Trúc Diễm | 074311010439       | 29/04/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311010439 | 10.5 |
| 434 | Lâm Nguyễn Quốc Đại  | 001211047626       | 25/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS001211047626 | 10.5 |
| 435 | Phạm Hải Đăng        | 074211004263       | 21/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004263 | 10.5 |
| 436 | Nguyễn Hoàng Bảo Hân | 083311004109       | 29/05/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS083311004109 | 10.5 |
| 437 | Ngô Tiến Huy         | 040211034194       | 08/08/2011 | Nam       | Nghệ An               | 2026-2027 | HS040211034194 | 10.5 |
| 438 | Phan Nguyễn Minh Huy | 074211000834       | 10/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000834 | 10.5 |
| 439 | Thái Huỳnh Minh Huy  | 079211036527       | 09/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211036527 | 10.5 |
| 440 | Sàn Thúy Hưng        | 075211009277       | 23/07/2011 | Nam       | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS075211009277 | 10.5 |
| 441 | Ngô Đăng Khoa        | 074211006608       | 28/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211006608 | 10.5 |
| 442 | Nguyễn Trần Đức Nam  | 074211007351       | 19/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007351 | 10.5 |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 443 | Trần Gia Nghĩa         | 089211007095       | 27/09/2011 | Nam       | An Giang              | 2026-2027 | HS089211007095 | 10.5 |
| 444 | Nguyễn Thụy Nhân       | 070311002473       | 27/11/2011 | Nữ        | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070311002473 | 10.5 |
| 445 | Nguyễn Quỳnh Nhi       | 074311004218       | 21/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311004218 | 10.5 |
| 446 | Nguyễn Ngọc An Nhiên   | 074311001185       | 07/11/2011 | Nữ        | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS074311001185 | 10.5 |
| 447 | Nguyễn Phương Liễu Như | 074311007112       | 11/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311007112 | 10.5 |
| 448 | Nguyễn Trọng Phát      | 092211006310       | 09/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS092211006310 | 10.5 |
| 449 | Võ Thanh Phúc          | 074211001785       | 10/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211001785 | 10.5 |
| 450 | Lê Thanh Phương        | 074211009019       | 27/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009019 | 10.5 |
| 451 | Trịnh Thị Thảo Quỳnh   | 038311008255       | 21/01/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038311008255 | 10.5 |
| 452 | Phan Thanh Thư         | 074311000013       | 12/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000013 | 10.5 |
| 453 | Phan Minh Trí          | 070211000609       | 27/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211000609 | 10.5 |
| 454 | Dương Gia Cát Tường    | 074311004153       | 14/04/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311004153 | 10.5 |
| 455 | Bùi Thái Anh           | 079211032632       | 15/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211032632 | 10.6 |
| 456 | Nguyễn Hoàng Trâm Anh  | 074311009519       | 07/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009519 | 10.6 |
| 457 | Nguyễn Võ Thùy Dương   | 070311000133       | 23/11/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070311000133 | 10.6 |
| 458 | Ngô Bảo Hoàng          | 040211006224       | 10/03/2011 | Nam       | Nghệ An               | 2026-2027 | HS040211006224 | 10.6 |
| 459 | Dương Gia Huy          | 082211018009       | 03/02/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS082211018009 | 10.6 |
| 460 | Nguyễn Phúc Khang      | 074211001956       | 25/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211001956 | 10.6 |
| 461 | Nguyễn Trọng Khang     | 070211008845       | 13/01/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070211008845 | 10.6 |

| TT  | Họ, tên học sinh         | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|--------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 462 | Đặng Vũ Đăng Khoa        | 074211000361       | 12/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000361 | 10.6 |
| 463 | Hạ Bảo Khoa              | 074211009632       | 14/07/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009632 | 10.6 |
| 464 | Lưu Ân Linh              | 075310019892       | 21/12/2010 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS075310019892 | 10.6 |
| 465 | Vũ Tuấn Minh             | 031211016273       | 18/09/2011 | Nam       | Hải Phòng             | 2026-2027 | HS031211016273 | 10.6 |
| 466 | Nguyễn Ngọc Hoàng Gia Mỹ | 079311027158       | 30/04/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311027158 | 10.6 |
| 467 | Lê Brandon Bảo Ngân      | 074211008478       | 22/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008478 | 10.6 |
| 468 | Diệp Trung Nhân          | 074211010815       | 01/01/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010815 | 10.6 |
| 469 | Hoàng Thiên Phúc         | 074211010949       | 11/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010949 | 10.6 |
| 470 | Nguyễn Hữu Phước         | 074211001920       | 15/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001920 | 10.6 |
| 471 | Hồ Khánh Phương          | 074311001199       | 17/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001199 | 10.6 |
| 472 | Võ Nguyễn Minh Thùy      | 074311004858       | 27/01/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311004858 | 10.6 |
| 473 | Lê Thanh Tùng            | 034211008318       | 27/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS034211008318 | 10.6 |
| 474 | Nguyễn Đoàn Phước Duyên  | 074311006609       | 26/11/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311006609 | 10.6 |
| 475 | Lê Thị Tú Linh           | 074311009336       | 19/02/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009336 | 10.6 |
| 476 | Phạm Nguyễn Trúc Linh    | 074311000467       | 30/08/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000467 | 10.6 |
| 477 | Nguyễn Võ Như Phúc       | 074311001161       | 02/05/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001161 | 10.6 |
| 478 | Nguyễn Hoàng Thủy Tiên   | 038311000214       | 03/10/2011 | Nữ        | Hà Tĩnh               | 2026-2027 | HS038311000214 | 10.6 |
| 479 | Nguyễn Huy Tường         | 074211006434       | 27/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211006434 | 10.6 |
| 480 | Nguyễn Kiến Tường        | 038211028099       | 05/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038211028099 | 10.6 |
| 481 | Bùi Gia Hân              | 074311000387       | 26/10/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000387 | 10.6 |
| 482 | Đỗ Hoàng An              | 075311013197       | 29/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075311013197 | 10.7 |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 483 | Lê Ngọc Trâm Anh       | 074311000852       | 10/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000852 | 10.7 |
| 484 | Châu Phạm Khánh Bằng   | 074311009607       | 25/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311009607 | 10.7 |
| 485 | Võ Thị An Bình         | 040311005183       | 28/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS040311005183 | 10.7 |
| 486 | Roãn Ngọc Diệp         | 079311004038       | 05/10/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311004038 | 10.7 |
| 487 | Nguyễn Công Thanh Duy  | 079211007967       | 03/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211007967 | 10.7 |
| 488 | Trần Hoàng Duy         | 070211000734       | 05/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211000734 | 10.7 |
| 489 | Hồ Hải Đăng            | 074211010614       | 01/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010614 | 10.7 |
| 490 | Đỗ Ngân Giang          | 070311002610       | 17/05/2011 | Nữ        | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070311002610 | 10.7 |
| 491 | Lê Thị Diệu Hằng       | 038311014745       | 03/02/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038311014745 | 10.7 |
| 492 | Đỗ Nhật Gia Hân        | 074311000398       | 10/12/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000398 | 10.7 |
| 493 | Quách Gia Hân          | 074311006868       | 16/09/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311006868 | 10.7 |
| 494 | Lê Chí Hoàng           | 074211006850       | 26/06/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211006850 | 10.7 |
| 495 | Nguyễn Đỗ Hoàng Khang  | 074211000997       | 29/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000997 | 10.7 |
| 496 | Lênh Kevin Kiệt        | 175211000108       | 28/10/2011 | Nam       | Georgia, Hoa Kỳ       | 2026-2027 | HS175211000108 | 10.7 |
| 497 | Lê Thành Phương Nghi   | 074311007782       | 17/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311007782 | 10.7 |
| 498 | Văn Nhân               | 074311005150       | 27/08/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311005150 | 10.7 |
| 499 | Lê Hồng Bảo Nguyên     | 082211008029       | 13/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS082211008029 | 10.7 |
| 500 | Nguyễn Phương Nhi      | 074311007468       | 04/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311007468 | 10.7 |
| 501 | Nguyễn Phạm Xuân Phước | 037211000395       | 31/08/2011 | Nam       | Ninh Bình             | 2026-2027 | HS037211000395 | 10.7 |

| TT  | Họ, tên học sinh     | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp  |
|-----|----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|------|
| 502 | Trần Ngọc Trúc Quân  | 070311007049       | 20/12/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070311007049 | 10.7 |
| 503 | Kim Trần Chí Thiện   | 077210005917       | 25/10/2010 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS077210005917 | 10.7 |
| 504 | Nguyễn Phúc Thịnh    | 079211016101       | 10/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079211016101 | 10.7 |
| 505 | Lê Kim Minh Trí      | 074211004047       | 02/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004047 | 10.7 |
| 506 | Ngô Minh Triết       | 074211008363       | 24/03/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211008363 | 10.7 |
| 507 | Trần Ngọc Như Tuyết  | 086309003169       | 19/02/2009 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS086309003169 | 10.7 |
| 508 | Lê Sỹ Tuấn Anh       | 038211007276       | 05/12/2011 | Nam       | Thanh Hóa             | 2026-2027 | HS038211007276 | 10.9 |
| 509 | Phan Nguyễn Trâm Anh | 074311007910       | 10/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311007910 | 10.9 |
| 510 | Lý Thị Minh Diệu     | 074311008172       | 05/09/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311008172 | 10.9 |
| 511 | Hồ Nguyễn Quốc Đại   | 074211009836       | 03/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009836 | 10.9 |
| 512 | Nguyễn Hoàng Hải     | 074211010119       | 12/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010119 | 10.9 |
| 513 | Dương Việt Hào       | 074211009232       | 18/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211009232 | 10.9 |
| 514 | Nguyễn Hoàng Gia Hào | 074211007606       | 12/09/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211007606 | 10.9 |
| 515 | Vòng Vĩnh Hằng       | 075311007237       | 03/04/2011 | Nữ        | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS075311007237 | 10.9 |
| 516 | Lê Nguyễn Gia Hân    | 074311003464       | 19/03/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311003464 | 10.9 |
| 517 | Trịnh Công Hoàng     | 040211000849       | 21/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS040211000849 | 10.9 |
| 518 | Đinh Gia Huy         | 074211004949       | 26/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211004949 | 10.9 |
| 519 | Đoàn Gia Huy         | 070211005165       | 20/08/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070211005165 | 10.9 |
| 520 | Lê Thanh Hương       | 074311000786       | 14/02/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000786 | 10.9 |
| 521 | Lê Nguyễn Anh Kiệt   | 074211003997       | 17/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211003997 | 10.9 |
| 522 | Nguyễn Phúc Lâm      | 074211010174       | 19/02/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010174 | 10.9 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 523 | Nguyễn Lương Gia Linh | 074311007885       | 26/10/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311007885 | 10.9  |
| 524 | Mai Dương Gia Linh    | 074311009130       | 27/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311009130 | 10.9  |
| 525 | Phạm Huỳnh Long       | 074211010728       | 29/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010728 | 10.9  |
| 526 | Phạm Khánh Ngọc       | 074311001330       | 07/07/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311001330 | 10.9  |
| 527 | Trần Võ Thiện Nhân    | 074211007791       | 15/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007791 | 10.9  |
| 528 | Nguyễn Sỹ Phát        | 079211042616       | 12/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079211042616 | 10.9  |
| 529 | Lê Hoài Phong         | 074211010609       | 20/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010609 | 10.9  |
| 530 | Hồ Đỗ Minh Quân       | 074211002962       | 21/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002962 | 10.9  |
| 531 | Nguyễn Đặng Minh Quân | 074211009834       | 08/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211009834 | 10.9  |
| 532 | Trần Kim Thy          | 079311034983       | 27/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311034983 | 10.9  |
| 533 | Nguyễn Minh Tùng      | 074211000563       | 13/12/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000563 | 10.9  |
| 534 | Đoàn Ngọc Phương Vy   | 074311000572       | 09/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000572 | 10.9  |
| 535 | Trần Nhã Huỳnh        | 091311010222       | 01/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS091311010222 | 10.8  |
| 536 | Đặng Hoàng Anh        | 074211010187       | 14/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010187 | 10.8  |
| 537 | Nguyễn Trần Lâm Anh   | 074311000986       | 17/08/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311000986 | 10.10 |
| 538 | Nguyễn Lê Bảo Châu    | 074311007253       | 30/09/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311007253 | 10.10 |
| 539 | Nguyễn Đỗ Trâm Anh    | 074311003554       | 25/02/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311003554 | 10.8  |
| 540 | Nguyễn Công Danh      | 074211003243       | 27/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211003243 | 10.8  |
| 541 | Nguyễn Lê Anh Đức     | 074211004739       | 03/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004739 | 10.10 |
| 542 | Trần Hoàng Mai Khôi   | 079311043343       | 07/04/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS079311043343 | 10.10 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 543 | Nguyễn Trùng Dương    | 074311006002       | 30/09/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311006002 | 10.8  |
| 544 | Nguyễn Nam Hải        | 035211008542       | 13/08/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS035211008542 | 10.8  |
| 545 | Võ Tổng Hưng Phát     | 074211001706       | 07/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211001706 | 10.10 |
| 546 | Nguyễn Trần Huy Hoàng | 079211007296       | 30/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211007296 | 10.10 |
| 547 | Hồ Minh Hoàng         | 074211000486       | 02/07/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000486 | 10.8  |
| 548 | Lê Năng Quang Huy     | 074211011797       | 16/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211011797 | 10.8  |
| 549 | Đặng Ngọc Hưng        | 033211007937       | 25/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS033211007937 | 10.10 |
| 550 | Trần Ngọc Tố Quyên    | 074311002183       | 03/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311002183 | 10.10 |
| 551 | Lưu Bảo Khang         | 074211000346       | 29/03/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000346 | 10.8  |
| 552 | Phan Hồ Trọng Khang   | 074211002367       | 09/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002367 | 10.8  |
| 553 | Nguyễn Cao Hoàng Ân   | 040211004044       | 31/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS040211004044 | 10.10 |
| 554 | Lê Đỗ Trà My          | 074311006064       | 14/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311006064 | 10.10 |
| 555 | Đoàn Phạm Anh Khoa    | 075211012832       | 10/05/2011 | Nam       | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS075211012832 | 10.8  |
| 556 | Lê Anh Khoa           | 070211000303       | 20/08/2011 | Nam       | Bình Phước            | 2026-2027 | HS070211000303 | 10.8  |
| 557 | Hoàng Thị Hồng Nhung  | 038311030777       | 18/04/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038311030777 | 10.10 |
| 558 | Nguyễn Nhật Thương    | 074211008035       | 02/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008035 | 10.10 |
| 559 | Võ Tuấn Kiệt          | 074211007959       | 06/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211007959 | 10.8  |
| 560 | Lê Phúc Lâm           | 074211004053       | 02/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004053 | 10.8  |
| 561 | Nguyễn Trọng Phúc     | 074211002336       | 30/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002336 | 10.10 |
| 562 | Nguyễn Ngọc Thảo Vy   | 074311006132       | 05/09/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311006132 | 10.10 |
| 563 | Trần Tuệ Lâm          | 084311001297       | 28/05/2011 | Nữ        | Trà Vinh              | 2026-2027 | HS084311001297 | 10.8  |

| TT  | Họ, tên học sinh       | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|------------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 564 | Huỳnh Công Minh        | 074211000299       | 19/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000299 | 10.8  |
| 565 | Nguyễn Phước Tiến      | 074211008265       | 16/11/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211008265 | 10.10 |
| 566 | Nguyễn Trúc My         | 074311009021       | 09/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009021 | 10.10 |
| 567 | Trương Kỳ Nam          | 074211001098       | 11/02/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211001098 | 10.8  |
| 568 | Nguyễn Vũ Uyên Nhi     | 052311002276       | 22/08/2011 | Nữ        | Bình Định             | 2026-2027 | HS052311002276 | 10.8  |
| 569 | Đỗ Huỳnh Phương Trúc   | 074311006251       | 20/05/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311006251 | 10.10 |
| 570 | Nguyễn Trần Chính Tính | 074211008335       | 13/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008335 | 10.10 |
| 571 | Nguyễn Hạo Nhiên       | 074311002636       | 18/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311002636 | 10.8  |
| 572 | Bùi Ngọc Khánh Như     | 074311001465       | 11/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311001465 | 10.8  |
| 573 | Nguyễn Gia Huy         | 074211008767       | 28/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008767 | 10.10 |
| 574 | Đoàn Thanh Tường       | 074211002304       | 07/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002304 | 10.10 |
| 575 | Nguyễn Phương Bảo Như  | 040311001581       | 04/12/2011 | Nữ        | Nghệ An               | 2026-2027 | HS040311001581 | 10.8  |
| 576 | Nguyễn Triệu Phú       | 079211035984       | 01/12/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211035984 | 10.8  |
| 577 | Trần Bùi Bảo Lâm       | 052211002959       | 12/07/2011 | Nam       | Bình Định             | 2026-2027 | HS052211002959 | 10.10 |
| 578 | Trần Thị Hà Oanh       | 038311008329       | 28/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS038311008329 | 10.10 |
| 579 | Cao Nguyễn Thái Sơn    | 036211007394       | 28/04/2011 | Nam       | Nam Định              | 2026-2027 | HS036211007394 | 10.8  |
| 580 | Nguyễn Huỳnh Song Thư  | 074311009632       | 08/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009632 | 10.8  |
| 581 | Nguyễn Đức Minh        | 074211005060       | 03/10/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211005060 | 10.10 |
| 582 | Trần Đăng Khôi         | 074211002946       | 07/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211002946 | 10.10 |
| 583 | Nguyễn Xuân Vũ         | 074210001350       | 21/11/2010 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074210001350 | 10.8  |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 584 | Nguyễn Mai Vy         | 074311005381       | 15/06/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311005381 | 10.8  |
| 585 | Phạm Thái Minh        | 074211000468       | 30/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211000468 | 10.10 |
| 586 | Cao Minh Tiến         | 074211010774       | 25/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010774 | 10.10 |
| 587 | Nguyễn Hoàng Yến      | 074311008748       | 25/08/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311008748 | 10.8  |
| 588 | Phan Ngọc Vy          | 075311008836       | 30/08/2011 | Nữ        | Đồng Nai              | 2026-2027 | HS075311008836 | 10.10 |
| 589 | Lê Đỗ Quang Dũng      | 074211000413       | 31/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000413 | 10.10 |
| 590 | Ông Bảo Hà            | 079311049360       | 20/10/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311049360 | 10.11 |
| 591 | Nguyễn Gia Bảo        | 070211007538       | 06/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211007538 | 10.11 |
| 592 | Văn Công Hải Anh      | 070211001562       | 03/05/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211001562 | 10.11 |
| 593 | Nguyễn Phan Minh Anh  | 074311002280       | 14/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311002280 | 10.11 |
| 594 | Nguyễn Đức Nguyên     | 074211010887       | 31/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211010887 | 10.11 |
| 595 | Nguyễn Hồng Hải An    | 074311005311       | 18/02/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311005311 | 10.11 |
| 596 | Nguyễn Đức Duy        | 074211008273       | 29/03/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211008273 | 10.11 |
| 597 | Nguyễn Việt Hoàng     | 040211001204       | 31/10/2011 | Nam       | Nghệ An               | 2026-2027 | HS040211001204 | 10.11 |
| 598 | Liêu Di Huệ           | 079182014328       | 31/01/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079182014328 | 10.11 |
| 599 | Thượng Nguyễn Gia Huy | 074211001138       | 19/07/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211001138 | 10.11 |
| 600 | Trịnh Minh Dũng       | 074211005896       | 27/11/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211005896 | 10.11 |
| 601 | Lê Bá Bảo Khang       | 038211026733       | 08/12/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS038211026733 | 10.11 |
| 602 | Bùi Lê Hương Giang    | 074311000539       | 06/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000539 | 10.11 |
| 603 | Phan Tấn Khang        | 066211001028       | 13/03/2011 | Nam       | Huế                   | 2026-2027 | HS066211001028 | 10.11 |
| 604 | Phạm Maika            | 030311009471       | 22/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS030311009471 | 10.11 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 605 | Lê Xuân Nghiêm        | 070211001023       | 05/04/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211001023 | 10.11 |
| 606 | Trần Lý Ngọc Diệp     | 074311004148       | 03/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311004148 | 10.11 |
| 607 | Nguyễn Xuân Hào Nhiên | 036210001640       | 15/02/2010 | Nam       | Nam Định              | 2026-2027 | HS036210001640 | 10.11 |
| 608 | Đỗ Trường Phát        | 074211006798       | 14/04/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211006798 | 10.11 |
| 609 | Nguyễn Thọ Bảo Phúc   | 077211002674       | 29/09/2011 | Nam       | Bình Thuận            | 2026-2027 | HS077211002674 | 10.11 |
| 610 | Trần Thiện Tâm        | 079211051408       | 11/11/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079211051408 | 10.11 |
| 611 | Đào Phạm Thiên Thanh  | 079311003082       | 17/07/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311003082 | 10.11 |
| 612 | Nguyễn Tiến Thành     | 036211000236       | 01/11/2011 | Nam       | Nam Định              | 2026-2027 | HS036211000236 | 10.11 |
| 613 | Giáo Hiền Thông       | 075211021919       | 31/08/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS075211021919 | 10.11 |
| 614 | Võ Nguyễn Quốc Việt   | 066211020430       | 08/05/2011 | Nam       | Đắk Lắk               | 2026-2027 | HS066211020430 | 10.11 |
| 615 | Nguyễn Ngọc Yến       | 074311002943       | 13/01/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311002943 | 10.11 |
| 616 | Lê Thanh Huỳnh        | 074311005566       | 19/02/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311005566 | 10.11 |
| 617 | Nguyễn Hoàng Gia Nghi | 074311009838       | 21/06/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311009838 | 10.11 |
| 618 | Nguyễn Nữ Anh Thư     | 074311007477       | 20/07/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311007477 | 10.12 |
| 619 | Đoàn Trần Anh Ngọc    | 074311002594       | 03/11/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311002594 | 10.12 |
| 620 | Hà Ngọc Diệp          | 074311005470       | 10/11/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311005470 | 10.12 |
| 621 | Hồ Vương Doanh Doanh  | 040311007944       | 30/11/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS040311007944 | 10.12 |
| 622 | Phạm Ngọc Dũ          | 070211006821       | 20/01/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS070211006821 | 10.12 |
| 623 | Nguyễn Tấn Đạt        | 070211011257       | 16/10/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211011257 | 10.12 |

| TT  | Họ, tên học sinh      | Mã định danh/ CCCD | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh              | Năm học   | Số sổ đăng bộ  | Lớp   |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|-----------|----------------|-------|
| 624 | Nguyễn Thành Đạt      | 074211000651       | 24/12/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211000651 | 10.12 |
| 625 | Phạm Tấn Đạt          | 074211004199       | 09/08/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211004199 | 10.12 |
| 626 | Hoàng Ngọc Hà         | 070311007679       | 21/09/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070311007679 | 10.12 |
| 627 | Phan Hoàng Anh Hào    | 074211005135       | 27/01/2026 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211005135 | 10.12 |
| 628 | Trần Gia Hào          | 070211005977       | 29/07/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211005977 | 10.12 |
| 629 | Đoàn Bảo Hân          | 074311009363       | 23/02/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311009363 | 10.12 |
| 630 | Phạm Trọng Gia Hân    | 060311000867       | 20/01/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS060311000867 | 10.12 |
| 631 | Thân Hà Tuấn Khang    | 070211008102       | 11/02/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS070211008102 | 10.12 |
| 632 | Nguyễn Thanh Mai      | 079311048697       | 07/04/2011 | Nữ        | Lâm Đồng              | 2026-2027 | HS079311048697 | 10.12 |
| 633 | Trần Nguyễn Hoàng Mai | 079311014217       | 11/12/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS079311014217 | 10.12 |
| 634 | Trương Thành Nam      | 052211016979       | 13/08/2011 | Nam       | Bình Định             | 2026-2027 | HS052211016979 | 10.12 |
| 635 | Đoàn Võ Tiến Thành    | 074211005422       | 27/05/2011 | Nam       | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074211005422 | 10.12 |
| 636 | Nguyễn Yến Trang      | 074311000054       | 24/04/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074311000054 | 10.12 |
| 637 | Đoàn Huỳnh Thanh Tuấn | 074211002699       | 23/09/2011 | Nam       | Bình Dương            | 2026-2027 | HS074211002699 | 10.12 |
| 638 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 046311002354       | 14/04/2011 | Nữ        | Huế                   | 2026-2027 | HS046311002354 | 10.12 |
| 639 | Võ Anh Phương Vy      | 074311010073       | 04/08/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311010073 | 10.12 |
| 640 | Nguyễn Quốc Bảo       | 092211002724       | 19/03/2011 | Nam       | Cần Thơ               | 2026-2027 | HS092211002724 | 10.12 |
| 641 | Trần Thị Vân Anh      | 001311061711       | 18/10/2011 | Nữ        | Bình Dương            | 2026-2027 | HS001311061711 | 10.12 |
| 642 | Trần Nguyễn Minh Minh | 074311004629       | 26/05/2011 | Nữ        | Thành phố Hồ Chí Minh | 2026-2027 | HS074311004629 | 10.12 |